

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ CHIỀNG SUNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/NQ-HĐND

Chiềng Sung, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHIỀNG SUNG
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 11/12/2025; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-BKTNS ngày 16/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026

1.1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng lực nội tại, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của các thành phần kinh tế; thúc đẩy xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy nhanh chuyển đổi số, thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Quản lý chặt chẽ tài nguyên, sử dụng đất, bảo vệ môi trường, chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả hơn nữa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, rào cản cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quyết liệt phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế..

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026: 23 chỉ tiêu (Có Biểu chi tiết kèm theo).

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026: 19 chỉ tiêu (Có Biểu chi tiết kèm theo).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế, đẩy mạnh các động lực tăng trưởng

Tiếp tục bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình kinh tế trong nước, và trên địa bàn tỉnh, khu vực và thế giới, chủ động nâng cao năng lực phân tích, dự báo để kịp thời có giải pháp điều hành phù hợp, linh hoạt, hiệu quả, ứng phó từ sớm, từ xa với các biến động kinh tế, tài chính, thiên tai, dịch bệnh và các yếu tố bất lợi khác.

Tập trung khơi thông và phát huy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng của nền kinh tế xã nhất là trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, xây dựng, dịch vụ; đồng thời, tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất.

Thực hiện đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các chính sách tài khóa và tiền tệ theo định hướng của Trung ương và UBND tỉnh. Theo dõi sát diễn biến thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và hợp tác xã tiếp cận quỹ đất phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Phát triển mạnh thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh sản xuất, xúc tiến thương mại; mở rộng, đa dạng hóa chuỗi cung ứng và thị trường xuất - nhập khẩu, nhất là với các nước trong khu vực; Tăng cường phát triển các động lực tăng trưởng mới trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

2.2. Quyết tâm thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, phấn đấu hoàn thành dự toán thu ở mức cao nhất phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN gắn với các mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững

Cơ cấu lại nguồn thu ngân sách, đảm bảo nguồn thu ngân sách bền vững, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, tiến bộ công bằng xã hội. Mở rộng cơ sở áp thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý đảm bảo công bằng, bình đẳng về thuế giữa các đối tượng nộp thuế; tạo môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh và thúc đẩy đầu tư, đảm bảo lợi ích của xã, tạo điều kiện cho người nộp thuế tích tụ, khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển. Cân đối hợp lý nguồn thu từ thuế, phí cho chi thường xuyên, góp phần tích lũy nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, đảm bảo nhu cầu chi tiêu cần thiết và hợp lý theo chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

Thực hiện tốt công tác đánh giá, phân tích, dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn, tập trung đánh giá, khai thác các nguồn thu tiềm năng, điều chỉnh phạm vi, đối tượng; rà soát, thu hẹp diện miễn, giảm thuế, tăng cường các biện pháp quản lý khai thác nguồn thu, chống thất thu

để bù đắp cho các khoản hụt thu do tác động bởi cơ chế chính sách và các nguyên nhân khách quan. Thực hiện đánh giá phân tích tình trạng nợ thuế theo quy trình quản lý thu nợ thuế; áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ thuế; phối hợp tốt với Kho bạc nhà nước, Ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng để thực hiện biện pháp thu nợ thuế. Đẩy mạnh công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách.

Nâng cao chất lượng công tác phối hợp các ngành chức năng theo cơ chế “một cửa liên thông” giải quyết các thủ tục về thuế kịp thời cho người nộp thuế. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện quản lý thu thuế; Rà soát lại các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, tập trung vào một số nguồn thu về đất, khai thác tài nguyên khoáng sản, quản lý nợ đọng thuế.

Đẩy mạnh việc quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, quán triệt nguyên tắc chỉ trong phạm vi nguồn lực, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa kế hoạch đầu tư công trung hạn với kế hoạch tài chính trung hạn theo quy định của Luật NSNN. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách, tập trung các nhiệm vụ của nhà nước, các cấp, các ngành, hỗ trợ tích cực cho mục tiêu phục hồi tăng trưởng, đảm bảo nguồn lực đầu tư cho con người, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội trong tình hình mới, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư, chi thường xuyên.

Đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công, tập trung vào các nút thắt, các ưu tiên chiến lược của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện vai trò dẫn dắt, vốn môi thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức đầu tư ngoài NSNN để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, thực hiện đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường.

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích các đơn vị sử dụng NSNN thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, gắn với việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan và đơn vị sử dụng NSNN.

Đảm bảo an toàn và bền vững nền kinh tế, gắn chặt quản lý NSNN và nợ chính quyền địa phương với quản lý ngân quỹ nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính Nhà nước, thực hiện quản lý ngân quỹ nhà nước an toàn, hiệu quả, chủ động.

2.3. Đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết kiệm giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; cụ thể hóa và triển khai đồng bộ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả; giảm thời gian và chi phí thực hiện cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hướng tới chính quyền điện tử, chính quyền số phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi.

Tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thông tin về đấu thầu, ngân sách, đầu tư công... để nhà đầu tư, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và triển khai các dự án trên địa bàn xã.

Tập trung nâng cao các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), năng lực cạnh tranh cấp xã (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), chỉ số công khai ngân sách (POBI) và chỉ số sẵn sàng cho phát triển công nghệ thông tin - truyền thông (ICT Index). Đảm bảo các chỉ số này được cải thiện bền vững, phản ánh thực chất nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển, trong đó chú trọng các chính sách về đầu tư, đất đai, tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp. Đổi mới công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành chính sách, pháp luật; tăng cường rà soát, phát hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời những quy định còn bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với thực tiễn địa phương.

Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tập trung giám sát, xử lý dứt điểm các vụ việc, vụ án theo đúng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản vi phạm. Thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài, không để phát sinh điểm nóng, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2.4. Tiếp tục tập trung hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành để phục vụ phát triển

Tập trung rà soát, hoàn thiện các quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền. Chủ động xử lý, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm bộ máy hành chính vận hành thông suốt, hiệu quả.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn phân cấp, phân quyền mạnh mẽ với trách nhiệm giải trình, đồng thời bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Nâng cao tính chủ động, tự chủ, linh hoạt, sáng tạo của chính quyền trong thực thi công vụ, điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền; phát huy vai trò kiến tạo, phục vụ của chính quyền xã trong đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; hoàn thiện, đưa vào khai thác, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính, bảo đảm kết nối, đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, liêm chính, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thực hiện đánh giá công chức, viên chức công khai, minh bạch, dựa trên kết quả, sản phẩm công việc. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao; khuyến khích, tạo môi trường để cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số phát huy năng lực, đóng góp cho sự phát triển của xã.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

2.5. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tập trung phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng.

Cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách. Nâng cao tính chủ động, linh hoạt của ngân sách địa phương, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là cho các công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết nội tỉnh có tác động lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung, tránh dàn trải, manh mún; tăng cường huy động nguồn lực xã hội, thu hút đầu tư ngoài ngân sách, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ; nâng cao năng lực tiếp cận, ứng dụng công nghệ số

của doanh nghiệp và người dân. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ sản xuất, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái số và nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số.

Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu nông sản Chiềng Sung; mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân. Phát triển vùng nguyên liệu tập trung, các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ; chú trọng phát triển cây cà phê, cây ăn quả có múi, lâm sản ngoài gỗ và chăn nuôi hữu cơ.

Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ hiện đại; mở rộng thị trường, các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại. Khuyến khích các cơ sở kinh doanh và người dân chuyển đổi sang hình thức mua bán, thanh toán không dùng tiền mặt.

Phát triển kinh tế kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng; thu hút có chọn lọc gắn với chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án đầu tư chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài.

2.6. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là công trình quan trọng, hạ tầng giao thông, các công trình có tính liên kết vùng, hạ tầng chống biến đổi khí hậu, hạ tầng số

Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo nền tảng và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã. Tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ các công trình, tác động lan tỏa cao, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển chung của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, chuẩn bị nguồn vật liệu xây dựng, đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư công.

Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình thủy lợi, cấp nước, phòng chống thiên tai phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Tiếp tục nâng cấp, sửa chữa các công trình hồ, đập, kênh mương; phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Tăng cường lồng ghép, phối hợp giữa các chương trình, dự án đầu tư công với chương trình mục tiêu quốc gia, huy động đa dạng nguồn lực để đầu tư hạ tầng giao thông, năng lượng, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các công trình có tính liên kết vùng, lan tỏa phát triển và thúc đẩy không gian phát triển mới của xã.

2.7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số của xã. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; gắn phát triển quy mô đào tạo với nâng cao chất lượng, hiệu quả, kỹ năng nghề nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh và của xã như nông nghiệp, dịch vụ, tài chính và quản trị công.

Phối hợp với các Sở ngành đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại lao động khu vực nông thôn; tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trong công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực hành, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và tạo việc làm bền vững sau đào tạo. Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, bản lĩnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gắn nghiên cứu, ứng dụng với nhu cầu thực tiễn phát triển của xã. Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, phát triển năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị, có khả năng cạnh tranh cao và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực, trong nước.

Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số của tỉnh Sơn La gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số. Xây dựng, hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn, hiện đại; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Chủ động triển khai Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phát huy vai trò của các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới. Từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu cho tăng trưởng, góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy phát triển kinh tế.

2.8. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

Tiếp tục phát triển toàn diện, hài hòa giữa kinh tế với văn hoá, xã hội; xây dựng con người Chiềng Sung phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, lối sống, sức khỏe, thẩm mỹ và ý thức công dân. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động

“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Sơn La; tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử, truyền thống cách mạng, khơi dậy khát vọng vươn lên của người dân trong thời kỳ mới.

Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, nhất là người dân các bản đặc biệt khó khăn. Tiếp tục hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp. Thực hiện đồng bộ các chính sách người có công, chính sách dân tộc, tôn giáo, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi và trẻ em; bảo đảm quyền trẻ em và môi trường sống an toàn, lành mạnh.

Phát triển trạm y tế theo hướng “tinh gọn, hiện đại, hiệu quả”, nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở và năng lực ứng phó dịch bệnh; tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và sức khỏe cộng đồng. Thực hiện tốt Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về tăng cường bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng, chống bệnh không lây nhiễm và bệnh nghề nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Phát huy tiềm năng và thể mạnh sẵn có, phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.

Tăng cường phối hợp với các Sở ngành, phát triển thị trường lao động; mở rộng độ bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhất là lao động nông thôn, thanh niên. Quan tâm công tác xuất khẩu lao động, bảo đảm an toàn, quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, chủ động phòng ngừa, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng gây chia rẽ, mất đoàn kết. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, du lịch văn hóa, khai thác giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc gắn với quảng bá hình ảnh Chiềng Sung năng động, thân thiện, giàu bản sắc.

2.9. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; có giải pháp huy động hợp lý nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng các dự án; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện nghiêm quy định về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Sàng lọc, loại trừ các dự án có công nghệ lạc hậu, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thúc đẩy phát triển dịch vụ tái chế, xử lý chất thải. Tăng cường năng lực quản lý, thu gom, xử lý rác thải rắn, rác thải nhựa, rác thải điện tử, chất thải nguy hại tại đô thị và nông thôn; từng bước hình thành mô hình phân loại, tái chế rác thải tại nguồn.

Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai, biến đổi khí hậu; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống dân cư khi có thiên tai xảy ra. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cao về sạt lở, lũ quét, ngập úng.

Phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của xã và của tỉnh.

2.10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo bảo an ninh, trật tự

Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Tăng cường công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại; chú trọng lồng ghép mục tiêu quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; tập trung trấn áp các loại tội phạm nguy hiểm, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, bảo đảm an ninh mạng, an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng - văn hóa, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội phục vụ phát triển bền vững của xã.

Tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững mạnh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Quan tâm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ xã vững mạnh toàn diện, nâng cao sức mạnh tổng hợp và khả năng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bảo đảm tuyệt đối an

toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng trên địa bàn xã, đặc biệt là công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; mở rộng hợp tác hữu nghị, đặc biệt là với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà tỉnh có quan hệ hợp tác; thúc đẩy các hoạt động ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân gắn với quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Sơn La. Qua đó, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường sức mạnh tổng hợp, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

2.11. Chủ động hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; phát huy mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội, động lực khí thế khát vọng phát triển

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, của xã; kịp thời thông tin định hướng, ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong các lĩnh vực đời sống xã hội.

Thực hiện nghiêm công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân đưa tin sai sự thật, thông tin xấu, độc trên không gian mạng. Đổi mới, đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong công tác thông tin, tuyên truyền.

Phát huy sức mạnh của các phong trào thi đua yêu nước, thi đua lao động sáng tạo gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị; kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển xã Chiềng Sung nhanh và bền vững.

Đẩy mạnh tuyên truyền phục vụ các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và của tỉnh, xã trong năm 2026, đặc biệt là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; tạo khí thế thi đua sôi nổi, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. HĐND xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Chiềng Sung khóa XXI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./. *Đau*

Nơi nhận: *Đau*

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của xã;
- Bí thư chi bộ, trưởng bản trên địa bàn xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT. KTNS

CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Ngọc Ngân

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Chiềng Sung)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Năm 2026		
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu năm 2025 (%)	So với ước thực hiện năm 2025 (%)
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ	05 chỉ tiêu								
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng		0,663	0,900	2,950	0,900	2,513	379,03	85,19
	Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn	%		4,0	4,0	4,0	100	4,00	100	100
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn		19.082	19.082	19.082		19.022	99,68	99,68
	Tổng sản lượng cây công nghiệp	Tấn		58.494	58.494	58.494		58.280	99,63	99,63
	Tổng sản lượng cây ăn quả	Tấn		5.253	5.253	5.253		5.262	100,16	100,16
	Thịt hơi xuất chuồng	Tấn		1.109	1.109	1.109		1.170	105,42	105,42
	Thủy sản	Tấn		45,6	45,6	45,60		46,50	101,97	101,97
3	Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Hộ		6.776	6.776	6.776		6.912	102	
4	Trồng rừng, Trồng cây phân tán									
	Trồng rừng	ha						5		100
	Trồng cây phân tán	nghìn cây		5,50	5,50	5,5		2	36	100
5	Thành lập mới doanh nghiệp	Doanh nghiệp								
	Thành lập mới hợp tác xã trên địa bàn	HTX						1		
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI	14 chỉ tiêu								
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	36,0	38,5	38,5	39,3	Tăng 2%	38,5	Không tăng	Không tăng
	TĐ: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	23,0	25,0	25,0	25,0	Tăng 2%	27,0	Tăng 2%	Tăng 2%
	Số lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người				10		10		
7	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/năm				46		46		
8	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2026	%	100	100	100	100	100	100	100	100
9	Tỷ lệ hộ nghèo	%	10,0	6,43	6,43	6,43	Giảm 3,6%	4,96	Giảm 0, 5%	Giảm 0, 5%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Năm 2026		
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu năm 2025 (%)	So với ước thực hiện năm 2025 (%)
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân		3,6	3,6	3,6	3,6	1,5	0,5	0,5	0,5
10	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	80,00	92,44	92,44	92,44		92,44	100	100
11	Chỉ tiêu nông thôn mới	Xã								
	- Tổng số bản đạt chuẩn nông thôn mới	Bản	4	5	5	5	1	7	140	140
	- Tổng số bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Bản	4	4	4	4		4	100	100
12	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến năm 2026	%		100	100	100		100	100	100
13	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến hết năm 2026	%		63,46	63,46	63,46		67,30	106	106
14	Đến năm 2026, người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý giảm so với đầu nhiệm kỳ	%		20,0	20,0	20,0		19,00	95	95
15	Đến năm 2030 tỷ lệ bản chuyển hóa, xây dựng không có ma túy	%		65,4	65,4	65,4		73,10	111,81	111,81
16	Tỷ lệ hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%		45	45	45		65	144	144
17	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%		48	48	48		60	125	125
18	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo chiếm 2% tổng chi ngân sách hằng năm	%						-		
19	Tỷ lệ bản có băng rộng cố định	%		50	50	50		60	120	120
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG	04 chỉ tiêu								
20	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	35,0	38,6	38,6	38,6	110	48,40	125,39	125,39
21	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, xử lý	%	70	87	87	87	124	87	100,0	100,0
22	Tỷ lệ phân loại rác thải tại nguồn	%	50	50	50	50	100	55	110,0	110,0
23	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định (bao gồm cả diện tích cây ăn quả trên đất dốc) đến năm 2026	%	22,36	22,36	22,36	22,36		24,7	110,5	110,5

Chu